

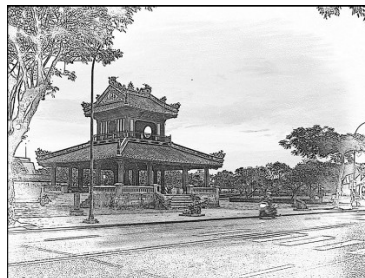
Con Ngoác và Thăng Bé

Truyện ngắn của Nguyễn Ngọc Hoa

Từ phía nam, chúng tôi theo Quốc lộ 1, qua khỏi cầu An Cựu là sắp tới Huế. Đi đường Duy Tân vào thành phố, đến chân cầu Trường Tiền, rẽ phải qua đường Lê Lợi, và đến lấy phòng ở khách sạn Hương Giang. Khách sạn nằm sát bên bờ hữu ngạn sông Hương, từ đó khách có thể thấy rõ cầu Trường Tiền và thưởng ngoạn toàn cảnh sông Hương. Trung tâm thành phố ở bên kia cầu, và các nơi thú vị khác trong Đại Nội cũng khá gần để khách thăm viếng.

Bạn tôi hẹn bảy giờ đến đón đi ăn tối. Mới hơn năm giờ chiều, chúng tôi còn thì giờ sang phía tả ngạn viếng cảnh cố đô. Tôi há hức muốn tìm lại hình ảnh của 42 năm trước. Xe qua khỏi cầu Trường Tiền, gặp đường Trần Hưng Đạo, và rẽ trái về hướng Kim Long. Đập vào mắt chúng tôi là Kỳ đài cao sừng sững. Mà không, người Huế có bao giờ dùng chữ “Kỳ đài” – cái tên chỉ dành cho sách vở – ấy đâu. Họ cứ bình dân gọi là “Cột Cờ.” Nhìn bóng cờ bay, tôi rưng rưng nhớ Tết Mậu Thân 1968, bao nhiêu máu xương chiến sĩ Việt nam Cộng hòa (“VNCH”) đã đổ xuống chân Cột Cờ để giành lại từ tay đối phương.

Chúng tôi ghé qua bến Thương bạc và Phu văn lâu, hai chứng tích lịch sử nối tiếp nhau trên dải đất rộng ven sông. Ngày xưa tòa Thương bạc gồm nhiều tòa nhà lớn tọa lạc bên ngoài cửa Thượng Tứ (cửa Đông Nam) của kinh thành. Tòa Thương bạc là nơi tiếp đón sứ thần và làm việc của các quan phụ trách việc ngoại giao, và cũng là nơi họ đương đầu với đại diện tòa Khâm sứ Pháp. Về sau, tòa Thương bạc bị bỏ hoang rồi sụp đổ. Năm 1936, để ghi nhớ tích cũ, vua Bảo Đại cho dựng lên cái đình nhỏ hình bát giác gọi là Thương bạc đình ở bờ sông đối diện cửa Thượng Tứ và gần vị trí tòa Thương bạc xưa. Người Huế gọi khu này là “bến” Thương bạc vì ở mé sông có bến đò đưa khách. Nữ sinh Đồng Khánh ở trong Thành Nội đi học thường đi đò qua sông, vừa nghỉ chân vừa thu ngân đường đi.



Tôi nắm tay Quỳnh Châu, chỉ về ngôi lầu cổ kính,

“Đằng kia là Phu văn lâu, ngôi lầu xây dưới triều vua Gia Long để niêm yết sắc dụ và treo bảng vàng nêu tên tân khoa các kỳ thi hương, thi hội, và thi đình. Bến sông trước Phu văn lâu là nơi năm 1916 Trần Cao Vân giả ngồi câu cá để cùng vua Duy Tân bàn kế hoạch đánh Pháp. Người Huế có câu hò náo nùng,

*Chiều chiều trước bến Văn lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm?*

*Ai thương, ai cảm, ai nhớ, ai trông?
Thuyền ai thấp thoáng bên sông,
Nghe câu mái đẩy, chạnh lòng nước non!"*

Ký ức tuổi học trò chợt ùa về. Nhớ những ngày lễ lạt thời Đệ nhất Cộng hòa, lũ học sinh trung học chúng tôi mặc đồ trắng đi dự *mít-tinh*, tức là các cuộc biểu tình, ở Phú văn lâu. Viên chức chính phủ thay nhau đọc diễn văn trên khán đài, đoàn thể chính trị xếp hàng phô trương biểu ngữ đằng trước, và lũ học trò nhỏ như tôi đứng ngay ngắn đằng sau, không ai ngó ngang tới. Hai cuộc *mít tinh* lớn nhất là lễ Song Thất, tức là ngày bảy tháng Bảy, ngày *Cụ Ngô* (Ngô Đình Diệm) về nước chấp chánh; và lễ Quốc Khánh vào ngày 26 tháng Mười, ngày khai sinh nền Cộng hòa.

Cũng như Cột Cờ, Phú văn lâu nằm trên trục dũng đạo của kinh thành. Trục dũng đạo là trục đối xứng chạy dọc qua các công trình quan trọng nhất theo nguyên tắc phong thủy. Cửa Ngăn (cửa Thế Nhơn) bên trái Cột Cờ ngày xưa được vua và hoàng gia dùng để ra vào kinh thành. Mỗi lần họ ra vào như thế, triều đình cho lính ngăn con đường trước mặt, không cho dân qua lại; do đó có tên cửa "Ngăn." Con đường xưa bị "ngăn" về sau là một phần của Quốc lộ 1. Thời VNCH, đoạn đường từ cửa Ngăn chạy qua phố chính và chợ Đông Ba đến cầu Gia Hội có tên Trần Hưng Đạo. Đoạn đường từ cửa Ngăn đến cầu Bạch Hổ và cầu Kim Long gọi là Trịnh Minh Thế.

Trịnh Minh Thế (1922 - 1955) nguyên là thiếu tướng của quân đội giáo phái Cao Đài. Khi ra hợp tác với quân đội chính phủ Quốc gia Việt nam, ông được Thủ tướng Ngô Đình Diệm (1903 - 1963) đồng hóa theo cấp bậc thiếu tướng. Miền Nam lúc đó giống như một tập hợp các "sứ quân" cát cứ (chiếm đất làm giang sơn riêng) hơn là một quốc gia thống nhất. Đủ thứ phe phái chống đối ông Diệm, cả trong lẫn ngoài nước và chính phủ. Ông Thế đắc lực trong nhiệm vụ tiêu trừ phe Bình Xuyên và quân đội các giáo phái. Giữa năm 1955, khi chỉ huy hành quân truy nã Bình Xuyên, ông bị trúng đạn tử thương tại Khánh Hội Sài gòn và được truy thăng trung tướng. Sài gòn cũng có đường Trịnh Minh Thế ở Khánh Hội.

Tôi bảo tài xế chạy lên hướng cầu Bạch Hổ để được đi ngang qua cửa Nhà Đờ (cửa Chánh Nam), cốt để nhìn lại xóm Cửa Nhà Đờ. Đó là nơi nửa thế kỷ trước gia đình tôi đã sống những ngày đầu di cư từ Quảng Bình vào để khỏi sống dưới chế độ Cộng sản. Dân quanh vùng khi ấy gọi là "cửa Sập" vì trận lụt năm Quý Tỵ (1953) làm sập vòm cửa khiến gạch đá bít cả lối đi. Đoạn đường ngắn từ ngoài đường Trịnh Minh Thế vào, đi qua khu nhà ở, và đến cây cống cong cong dài bắc ngang qua hồ rồi mới tới cửa thành. (Người Huế quen gọi là "hồ," nhưng thật ra là hào nước quanh kinh thành.)

Nhà tôi thuê ấy là túp lều tranh lụp xụp gần chân cống nhìn xuống mặt nước hồ đen thui đầy rác rưởi và lá sen già đã đổi sang màu đen thẫm. Người ta sống chen chúc trong những ngôi nhà san sát không có vườn tược, trẻ con suốt ngày chơi ngoài đường, và những gánh hàng rong rao bán thức ăn không ngớt. Dù phải sống khổ sở nơi xóm nghèo tồi tàn ấy hơn một năm, mẹ chưa bao giờ hối tiếc về quyết định di cư.

Hôm nay trở lại, xóm Cửa Nhà Đờ xưa không còn. Hai bên đường giờ trống trơn, xe cộ liên tục ra vào cửa Nhà Đờ. Một chút hụt hẫng len nhẹ vào lòng . . .

* * *

Vợ chồng Đình - Xuân Liên đợi chúng tôi ở khách sạn. Ngày xưa, Đình học đệ tam (lớp 10) cùng với tôi ở Quốc Học. Nhưng hai thằng không chơi với nhau vì nó con nhà giàu (học dốt, tôi cho là vậy) và lớn hơn tôi vài tuổi. Chúng tôi gặp lại nhau tại Đại học xá Minh Mạng Sài Gòn, lúc nó học Đại học Sư phạm, và chúng tôi chuyện trò thường xuyên vì có một cô bạn chung: Xuân Liên *bỏ* nó ở Huế là bạn hàng xóm của tôi ở xóm Mang Cá; xóm nằm hai bên đoạn đường đi từ bờ sông Đào (sông Đông Ba) vào cửa Mang Cá (cửa Kẻ Trài). Nhà tôi và nhà nàng cách nhau hai cái vườn. Nàng lớn hơn tôi hai tuổi, mặt trái xoan, và tóc thề xõa ngang vai. Rõ là một thiếu nữ đương thì.

Cha đóng đồn xa, và mẹ bận rộn chăm lo đàn con nên những công việc nặng trong nhà hay ngoài vườn mẹ đều nhờ *bọ* (ba) của Xuân Liên làm giúp. *Mự* (má) nàng thỉnh thoảng nấu món ăn ngon mang sang chia xẻ với gia đình tôi. Tôi và Xuân Liên học ngang lớp, nàng học Đồng Khánh và tôi học Hàm Nghi. Tôi thường sang nhà nàng trao đổi sách học và nói chuyện bài vở, và được bác gái đem đủ thứ bánh trái chè cháo cho ăn. Bác gái hay nói,

“Con Ngoác với thằng Bé mà ưng nhau [thương nhau] rồi mai mốt lấy nhau [nhau] là tốt nhất hạng. Nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một.”

Con Ngoác là tên ở nhà của Xuân Liên, và *thằng Bé* là tên ở nhà của tôi. Là một cậu bé lắc cắc và tham ăn, tôi chưa hề có một ý niệm về vợ chồng – đó là chuyện người lớn – và đình ninh bác gái nói chơi cho vui thôi. Nhưng con gái, nhất là con gái Huế, *ranh* hơn con trai nhiều. Tôi thấy nàng đặc biệt tử tế và chiều chuộng tôi, không như với mấy thằng khác trong xóm. Bọn kia gọi nàng là con “Rộng Miệng.” Bắt nguồn từ tên ở nhà của nàng, nhưng còn vì vài lý do khác sau đây.

Thuở ấy, học sinh Huế có thói quen sáng dậy sớm học bài – “cho mau thuộc.” Cứ khoảng bốn giờ sáng là bà con đầu xóm cuối thôn ai nấy đều nghe tiếng học bài rổn rảng của Xuân Liên. Nhờ đó, nhiều hôm trời lạnh, *thằng Bé* lười biếng nằm cuộn mình trong chăn ngủ nướng mà cũng thuộc bài. Ngoài ra, cô nữ sinh Đồng Khánh tóc thề có tiếng dạn dĩ và bạo miệng. Nàng là bà La Sát gớm ghê của mấy thằng cô hồn hay dở trò chọc ghẹo nham nhở: Nàng không ngần ngại đào mồ bới mả “thằng ôn hoàng dịch lệ” cho nó chữa thói mất dạy. Thành ra chúng nó chỉ dám truyền miệng câu ca dao,

Đàn ông rộng miệng thì sang,

Đàn bà rộng miệng tan hoang cửa nhà.

Xuân Liên chào hỏi tôi, nửa mừng rỡ nửa trách móc,

“Hề, anh Bé đây nì. Tui nhớ mọi lần [hồi xưa] anh học giỏi có tiếng. Bọ tui nói cuộc đất xóm mình nhằm khúc đuôi con rồng nên có nhân tài mà không giữ được. Từ ngày bỏ Huế ra đi, cả mấy chục năm anh không thềm đoái hoài đoái quả chi tới Huế mình. Răng mà bạc như vôi rứa hề?” rồi nàng quay sang Quỳnh Châu, “Ừa, chị đây hả anh? Chắc kiếp trước anh tu tới bảy chục kiếp mới gặp được bà vợ đẹp để phúc hậu như ri.”

“Tụi em ăn ở với nhau vậy là hơn 30 năm rồi đó chị,” Quỳnh Châu sung sướng trả lời.

Đình đưa cả bọn đến quán cơm Hoài Hương gần khách sạn ăn cơm tối. Chúng tôi ngồi vào chiếc bàn kê cạnh cửa sổ nhìn ra sân sau. Trong sân lát gạch, mấy cây hoa đào cao cành lá sum sê còn

đắm nước. Quỳnh Châu lấy đũa muổng cho mọi người, trong lúc Xuân Liên tiếp tục nhắc lại chuyện xưa,

“*Tui* nhớ hồi đó, mặc dù chưa đậu Trung học [Đệ nhất cấp], mỗi kỳ hè *anh Bé* đã được *cậy* [nhờ] làm thầy dạy lớp học hè cho đám con nít lau chau trong xóm.”

“Không dè cái tên ‘*thằng Bé*’ của *anh* lại sống dai đến vậy,” Quỳnh Châu huých tay tôi.

“Xóm Mang Cá là vậy đó. *Anh* nghi cái tên ‘*con Ngoác*’ cũng đi theo Liên cho đến khi chàng Đĩnh này *rấp ranh bắn sẻ*,” tôi gật gù chỉ tay vào Đĩnh.

“Cũng tại tên *nớ* mà *anh Bé* bị *bọ tui* cho rớt Trung học một keo,” Xuân Liên cười khi.

Quỳnh Châu tỏ vẻ ngạc nhiên,

“Thật hả chị? Sao nghe nói hồi đó *ảnh* học giỏi?”

“Hi hi, không thiệt *mô*! *Tui* sáu, bảy đứa trong xóm thi Trung học một lượt. *Liền ông* trong xóm ai cũng mắc đi *mần* [làm] nên tới ngày *có bảng* [có kết quả] *bọ tui* được *cậy* đi *coi bảng*. Người ta công bố kết quả bằng cách xướng danh rồi niêm yết danh sách thí sinh đậu. *Bọ* đạp xe đi suốt buổi chiều, tối mịt mới về. *Bọ* ghi tên từng đứa đậu với tổng số điểm và thứ hạng như Thứ hay Bình Thứ. Nhưng không có tên *anh Bé*! Cái tin ‘*thằng Bé* rớt rồi’ khiến mọi người sửng sốt, nhưng *bọ* cả quyết đã coi lui coi tới mấy lần, đến khi trời tối không đọc được nữa mới thôi.”

Quỳnh Châu a lên một tiếng,

“Em đoán ra rồi! Nhưng là sao bác trai biết mình xem bảng lầm?”

“*Túi nớ* [tối đó], mặc dù mừng *tui* thi đậu, *bọ mự* *tui* thức thiệt khuya. *Bọ* hút thuốc lòn liên miên, trong khi *mự* phì phèo *cả dây* [một chuỗi nối nhau] thuốc Cẩm lệ, chép miệng than thở con người ta *răng* mà *học tài thi phận*. *Mự* hỏi, không biết tới lần thứ mấy, ‘*Ông có chắc thằng Bé* rớt không?’ *Bọ* nổi quạu, ‘*Mự* không tin *tui* nữa à? *Tui* coi bảng đến gần thuộc lòng. Có ba đứa tên Bé đậu: Một Bé ở làng La Chữ, một Bé ở làng Mỹ Lợi, và một Bé ở An Cựu.’ Trong một khoảnh khắc, linh tính *liền bà* tới ngay với *mự*, ‘Thôi rồi *ông* ơi, *ông* lộn rồi! Trong giấy tờ đi học, *hắn* có phải tên Bé *mô*.’ Té ra tên *anh Bé* nằm đầu bảng mà *bọ* không hay!”

Bốn tô bún bò bốc khói được bùng ra. Lốp nước màu đỏ rực trên mặt đủ để những người không phải dân Huế – những chuyên viên ăn cay, “ăn ớt như nhồng” – phải rùng mình. Chén nước mắm nhĩ không pha chế, dầm vào trái ớt xanh, mang lại hương vị thật đậm đà. Cả bọn vừa ăn vừa xuyết xoa, nước mắt ràn rụa. Xuân Liên cười nhìn Quỳnh Châu,

“Từ bữa *nớ*, có lẽ chỉ còn một mình *tui* kêu *ông ông* chị là *anh Bé*. *Tui* thương cái tên Bé *nớ* quá chừng!”

Giữa tiếng cười rộn rã và mùi bún bò cay xé, tôi chợt thấy Huế của một thời xa xưa trở về nguyên vẹn. Những cái tên, những kỷ niệm, và cả những lầm lẫn ngộ nghĩnh vẫn theo ta suốt đời. Chỉ cần tiếng gọi “*anh Bé*,” một trời tuổi trẻ lại trở về.

Nguyễn Ngọc Hoa

Ngày 31 tháng Mười Hai, 2026